

VỀ TẦNG LỚP TRUNG NÔNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

LÊ MINH NGỌC

Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, tầng lớp trung nông chiếm một vị trí và vai trò đặc biệt trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội. Bởi vậy, việc nghiên cứu khoa học về trung nông là một đòi hỏi quan trọng đối với công tác cải tạo nông nghiệp xã hội chủ nghĩa ở vùng đồng bằng trọng điểm này.

Bài viết dưới đây chỉ là những ý kiến bước đầu dựa trên kết quả của những cuộc điều tra nhỏ mà Phòng Xã hội học Viện khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ở đồng bằng sông Cửu long trong thời gian gần đây. Chúng tôi hy vọng sẽ có dịp trình bày đầy đủ và toàn diện hơn về đề tài quan trọng này.

1. Vài ý kiến về định nghĩa tầng lớp trung nông.

Về định nghĩa trung nông hay quan niệm về tầng lớp trung nông hiện còn nhiều ý kiến khác nhau, nhất là tiêu chuẩn để phân định trung nông với các tầng lớp khác.

Theo chúng tôi, *trung nông là một tầng lớp nông dân ở giữa hai cực phân hóa, chiếm hữu một diện tích canh tác tương đương với khả năng lao động có thể canh tác được* (¹). Có đủ công cụ sản xuất cơ bản ở trình độ kỹ thuật xã hội trung bình và đủ vốn đầu tư để canh tác mảnh đất đó (²). Bằng sức lao động của mình là chính để canh tác và nếu có phải thuê mướn thì lao động thuê mướn không vượt quá lao động của

¹ Về tiêu chuẩn này thường hay được vận dụng thành tiêu chuẩn: diện tích xấp xỉ bình quân diện tích của địa phương. Nếu địa phương ở đây chúng ta hiểu là một vùng kinh tế nơi mà có thể diễn ra sự trao đổi lao động khép kín thì còn có thể hợp lý, nhưng rất nhiều người hiểu địa phương là ấp, xã, trong khuôn khổ một điểm mà người ta chọn để phân loại thành phần, do đó đôi khi đã xảy ra sự không thống nhất về tiêu chuẩn phân định thành phần. Những hộ nông dân cùng chiếm hữu quy mô ruộng đất như nhau, nhưng ở xã này coi là bản nông. Ở xã bên cạnh lại coi là trung nông chỉ vì bình quân lượng đất ở hộ xã khác nhau.

² Tiêu chuẩn này cũng nằm trong khuôn khổ của nguyên lý về quan hệ đối với tư liệu sản xuất, nhưng ít được như người chú ý, mà khi hiểu quan hệ đối với tư liệu sản xuất nhiều người chỉ nghe dân ruộng đất thôi, nên trong thực tế gặp một mâu thuẫn là có hai loại hộ cùng quy mô chiếm hữu ruộng đất như nhau, nhưng một hộ thì đủ khả năng canh tác mảnh đất của mình như một trung nông thực sự, nhưng hộ kia thì phải đem cho thuê mảnh đất đó và tự mình thì đi làm thuê, vì tính ra làm như vậy sẽ đem lại một thu nhập lớn hơn là tự canh tác trên mảnh đất của mình khi không đủ vốn đầu tư.

bản thân ⁽¹⁾. Kết quả thu nhận được một khối lượng nông phẩm ở mức bình quân xã hội của vùng đó và từ đó có một sức sống trung bình với mức sống xã hội ở địa phương.

Nếu đem đối chiếu định nghĩa này về trung nông với cách phân loại năm loại của Ban cải tạo nông nghiệp miền Nam thì trung nông tương đương với loại III và loại IV của cách phân loại đó. Điều này giúp cho chúng tôi dễ dàng trong việc sử dụng các số liệu điều tra của Ban cải tạo Nông nghiệp miền Nam, các tỉnh và các huyện ở đồng bằng sông Cửu Long. Khi nói đến trung nông là chúng tôi đề gộp cả loại III và loại IV.

2. Vị trí kinh tế xã hội của trung nông đồng bằng sông Cửu Long.

Để thấy rõ vai trò của trung nông ở đồng bằng sông Cửu Long, chúng tôi sẽ phân tích vị trí kinh tế xã hội của họ ở vùng đất này.

Căn cứ vào số liệu điều tra của Ban cải tạo Nông nghiệp miền Nam và số liệu điều tra của chúng tôi, nhìn một cách tổng quát, ta thấy trung nông chiếm một tỷ trọng lớn trong các chỉ báo cơ bản của nền kinh tế và xã hội. Ở đồng bằng Sông Cửu Long: trung nông chiếm khoảng 70% dân cư nông thôn, 74,5% lao động, 80% ruộng đất, 60% tổng năng lượng cơ khí, trên 70% máy móc cơ khí nhỏ, 93% sức kéo trâu bò. Chúng tôi phân tích từng chỉ báo trên của tầng lớp trung nông.

Chúng ta thấy sức lao động chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long là trung nông. Lực lượng này chiếm 70% dân số nông thôn, nếu tính theo số tuyệt đối thì ở Đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 6.644.000 nhân khẩu trung nông. Trung nông chiếm 74% lao động ở nông thôn, nếu tính theo số tuyệt đối thì số lao động trung nông ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long là 2.790.000 người (cách tính của chúng tôi :

Số trung nông = số dân Đồng bằng sông Cửu Long x 80% dân số nông thôn x 70% = 11.864.000 x 80% x 70% = 6.644.176 người.

Để tính số người lao động trung nông, chúng tôi tính được có 42% nhân khẩu trung nông là lao động. Vì vậy số lao động của trung nông sẽ là:

$$6.644.176 \times 42\% = 2.790.554 \text{ người}.$$

(Các số liệu về dân số Đồng bằng sông Cửu Long, chúng tôi sử dụng số liệu tổng điều tra dân số ngày 1 - 10 - 1979 theo Niên giám thống kê).

Sức lao động này không phải chỉ chiếm ưu thế về mặt số lượng mà điều quan trọng hơn là chất lượng của sức lao động đó. Đây là một lực lượng lao động có kỹ năng, kỹ thuật và năng suất, có kinh nghiệm sản xuất và quản lý.

Việc du nhập công cụ cơ khí và kỹ thuật nông nghiệp vào Đồng bằng sông Cửu Long đã giúp người trung nông có điều kiện nâng cao năng suất lao động của mình hơn nữa. Khi chúng ta nói người nông dân Đồng bằng sông Cửu Long am hiểu kỹ thuật biết sử dụng thông thạo các máy móc nông nghiệp thông thường, thậm chí kể cả sửa

¹ Về tiêu chuẩn này, có người hiểu giản đơn rằng trung nông là người không bóc lột ai và không bị ai bóc lột; hiểu như vậy không sai nhưng cũng chưa chặt chẽ, vì dù có bóc lột nhân công nhưng lượng bóc lột không quá lao động của bản thân thì vẫn là người trung nông, và tuy không bị ai bóc lột nhưng do không đủ ruộng đất và công cụ, phải sống cơ cực trên cơ sở tư liệu sản xuất thiếu thốn của mình và không đi làm thuê cho ai thì cũng không phải là trung nông.

chữa, biết rõ từng tính năng của các loại phân hóa học và các giống mới thì thực chất đó chính là nói đến tầng người trung nông. Khi chúng tôi tiếp xúc với những hộ trung nông, chúng tôi thấy họ không những biết sử dụng mà còn biết cả sửa chữa, có những hộ trong nhà là cả một phân xưởng sửa chữa, thậm chí có cả máy tiện, máy hàn dùng bằng ắc quy. Họ biết sửa chữa, bảo trì máy móc, do đó máy móc của họ có tuổi thọ cao. Họ thảo luận về kỹ thuật, giống má, phân bón thành thạo như các nhà nông học.

Là một người sản xuất trong nền kinh tế nông nghiệp có tính chất hàng hóa, họ không những thành thạo về kỹ thuật sản xuất mà còn nhạy bén với thị trường, biết hạch toán kinh tế, có một tư duy năng động trong việc thay đổi các loại cây trồng và tính toán thời vụ. Để cung cấp nông phẩm hàng hóa đáp ứng với nhu cầu của thị trường, người trung nông sẵn sàng thay đổi các loại cây trồng miễn nó có giá trị hàng hóa cao. Người ta đã phá đi những ruộng mía mới thu hoạch một vụ để trồng đậu nành khi thấy đậu nành có giá trị trên thị trường (mặc dù vụ mía thứ hai mới là vụ chính có sản lượng cao nhất mà không phải đầu tư gì nhiều thêm). Chúng tôi đã gặp một hộ trung nông vừa hủy một vườn chanh rộng nửa hecta đã ươm cây con để trồng thứ khác khi phỏng đoán rằng vụ đến chanh sẽ xuống giá vì thấy nhiều hộ đang trồng chanh.

Nếu như ở miền Bắc ta hiện nay, chúng ta đang ngăn chặn hiện tượng biến ruộng thành vườn, thì ở Đồng bằng sông Cửu Long chúng ta thấy có hiện tượng ngược lại, nhiều hộ trung nông đang phá vườn (nhất là vườn tạp) biến thành ruộng, rẫy, vì tính toán thấy trái cây vườn không thu lợi bằng mía hay đậu nành.

Lực lượng lao động trung nông đó không nặng đầu óc bảo thủ trong sản xuất, họ tin và sẵn sàng áp dụng kỹ thuật mới, giống mới, nhưng không mù quáng mà có hạch toán kinh tế hẳn hoi. Nhiều hộ trung nông đã giải thích cho chúng tôi vì sao trong điều kiện cụ thể của địa phương họ làm hai vụ lại không lợi bằng làm một vụ với một lối giải thích có tính toán rõ ràng.

Vị trí của trung nông trong nền kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long không chỉ biểu hiện ở bản thân họ như một lực lượng lao động đông đảo có kỹ năng lao động tốt, có kỹ thuật, có năng suất, biết hạch toán kinh tế mà còn biểu hiện trong tỷ trọng tư liệu sản xuất mà họ chiếm hữu, trước hết trong quy mô ruộng đất là tư liệu sản xuất cơ bản. Ở Đồng bằng sông Cửu Long, trung nông chiếm khoảng 80% diện tích canh tác tức khoảng 1.752.000 hecta ($2.190.000 \text{ ha} \times 80\% = 1.752.000 \text{ hecta}$).

Số diện tích trong tay trung nông do điều kiện đầu tư, thâm canh nên có năng suất cao hơn ở những hộ nông dân nghèo, và một điều lý thú nữa qua số liệu điều tra của Ban cải tạo áp Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, nó còn có năng suất cao hơn cả phú nông. Sau đây là số liệu đó:

Loại hộ		II	III	IV	V
Năng suất kg/ha	1642	1642	1955	2086	1765

Khi phỏng vấn những hộ trung nông để kiểm tra hiện tượng này, chúng tôi rút ra kết luận sơ dĩ như vậy là vì những hộ phú nông tư sản việc kinh doanh ruộng đất chỉ là một trong nhiều lĩnh vực kinh doanh của họ và không có lãi bằng các lĩnh

vực kinh doanh khác, nên sự đầu tư về vật chất, độ thâm canh không bằng người trung nông. Nhận định trên đã được xác minh qua số liệu điều tra ở ấp Tây Yên, An biên, Kiên giang ta thấy lao động quá khứ trên một ha (vốn đầu tư) ở hộ trung nông cao hơn hộ phú nông, lao động sống ở hộ trung nông cũng cao hơn hộ phú nông. Đây là kết quả của cuộc điều tra này.

Loại hộ	Chi phí vật chất tính trên ha (đ)	Ngày công trên 1 ha (ngày công)
II	81,0	201
III	123,3	140
IV	159,3	128
V	123,7	103

(Tính theo giá lúa thị trường tự do lúc điều tra)

Thêm nữa, diện tích canh tác của hộ phú nông lớn và chủ yếu do người làm thuê canh tác cho nên không được chăm sóc cẩn thận như người trung nông. Hiện tượng này thể hiện cả trên những mảnh vườn không đặc sản ở hai loại hộ phú nông và trung nông.

Mặt khác, hộ trung nông có đầy đủ những công cụ sản xuất cơ bản, kể cả công cụ cơ khí. Theo số liệu điều tra của Ban cải tạo nông nghiệp miền Nam. Ở trung nông có trên 70% công cụ cơ khí cỡ vừa (máy công cụ, máy xát, máy tuốt lúa, ghe, xuồng máy) 93% trâu bò, gần 60% tổng năng lượng cơ khí. Với từng đó công cụ trung nông đủ để tự mình canh tác với sức lao động của mình trên 80% diện tích ở Đồng bằng sông cửu Long.

Để thấy rõ hơn vị trí kinh tế của trung nông ở Đồng bằng sông Cửu long, chúng ta hãy xét khối lượng nông phẩm mà tầng lớp trung nông đã làm ra. Nếu chúng ta tạm coi năng suất của trung nông ngang bằng với năng suất của xã hội, thì năm 1979 trung nông đã sản xuất ra được khoảng:

$$4.823.900 \text{ tấn} \times 80\% = 3.859.120 \text{ tấn.}$$

(4.823.900 tấn là tổng sản lượng lương thực của 9 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, theo số liệu ở Niên giám thống kê năm 1980. 80% là tỷ trọng diện tích canh tác của trung nông so với tổng diện tích ở 9 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long). Tức là trung nông đã sản xuất ra 80% tổng sản lượng lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Kết quả cuối cùng để đánh giá vị trí kinh tế của trung nông ở Đồng bằng sông Cửu long là tổng sản phẩm hàng hóa mà họ đã làm ra được? Theo cách tính của chúng tôi dựa trên mẫu điều tra của tỉnh An giang và Hậu giang về mức tiêu thụ lương thực bình quân đầu người là 360kg/năm (gồm ăn, chăn nuôi và giống) thì trung nông Đồng bằng sông Cửu long đã tiêu thụ hết.

$$360\text{kg} \times 6.644.176 \text{ người} = 2.391.900 \text{ tấn.}$$

Vậy tổng khối lượng lương thực, hàng hoá của trung nông làm ra cho xã hội là:

$$3.859.120 - 2.391.900 = 1.467.220 \text{ tấn.}$$

tức là bằng 77,5% tổng sản phẩm lương thực hàng hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Đây chúng tôi chỉ lấy các con số bình quân của xã hội để tính cho trung nông. Nhưng trong thực tế, số lượng tuyệt đối cũng như tỷ trọng còn lớn hơn, vì như chúng tôi đã chỉ ra, năng suất bình quân trên diện tích của trung nông cao hơn tất cả các tầng lớp khác.

Trong điều kiện của nền sản xuất hiện nay, người trung nông Nam bộ có xu hướng giành vốn tích lũy được vào tài sản xuất mở rộng, ưu tiên sử dụng vốn cho tiêu dùng cho sản xuất chứ không phải cho tiêu dùng sinh hoạt. Trong nhiều cuộc phỏng vấn ở những điểm khác nhau, chúng tôi hỏi: “nếu được mùa, sau khi bán lúa dư, bà con sẽ dùng tiền vào việc gì?”, thì đa số trả lời rằng muốn sắm thêm phương tiện sản xuất và vật tư kỹ thuật. Trong bảng câu hỏi về bốn nguyện vọng:

- Ổn định thuế lương thực
- Ổn định mức thu mua với giá thỏa thuận.
- Có thêm ruộng đất.
- Có đầy đủ vật tư kỹ thuật.

Đa số trung nông chọn nguyện vọng: “có đủ vật tư kỹ thuật” làm nguyên vọng số 1.

Như vậy, xét về vị trí kinh tế của trung nông trên các mặt: sức lao động, tư liệu sản xuất, khối lượng nông phẩm và nông phẩm hàng hóa thì kinh tế trung nông đóng vai trò chủ đạo ở Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Trung nông và một số chính sách.

Trên đây, chúng tôi trình bày người trung nông với tư cách là người lao động thì họ có một vị trí lớn như vậy trong nền kinh tế nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng chúng ta không thể quên rằng họ là người tư hữu, là người tiểu nông tiểu chủ, là tầng lớp tiểu tư sản ở nông thôn lại hoạt động trong một nền sản xuất hàng hóa có tính chất tư bản chủ nghĩa. Cho nên họ có nhiều phản ứng đối với các chính sách kinh tế ở nông thôn của chính quyền chuyên chính vô sản, trước hết là trong chính sách thu mua lương thực. Như chúng tôi tính toán, tổng sản lượng lương thực của các hộ nông dân nghèo nếu chia cho bình quân nhân khẩu thì không còn thừa để chúng ta huy động lương thực, thậm chí thuê nông nghiệp thì đa số hộ đó đều thuộc diện “lọt thuế”. Vì thế thực chất chính sách huy động lương thực chủ yếu có liên quan đến trung nông.

Nhìn vào số liệu thống kê về huy động lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long vào các năm trước đây, chúng ta thấy có một sự giảm sút nghiêm trọng:

Năm	1976	1977	1978	1979
Số lương thực huy động (nghìn tấn)	950	790,9	457,2	398,8

Đây chính là sự phản ứng của trung nông đối với chính sách huy động lương thực của ta. Năm 1976, sở dĩ chúng ta huy động lương thực được nhiều vì giá cả thu mua lúc đó tương ứng với giá thị trường tự do. Năm 1979, nếu như không có phần thu mua giá cả ngoài nghĩa vụ thì có lẽ số lượng còn giảm hơn nữa, (trong số huy động lương thực này thì phần thuế nông nghiệp ở các năm hầu như không thay đổi lớn vì vậy giảm số lượng huy động chủ yếu là ở phần thu mua). Có những tỉnh như Hậu Giang, năm 1979 so với 1976, việc thu mua giảm đi 4 lần.

Nhưng từ năm 1980 trở đi, hằng năm chúng ta lại huy động được ở Đồng bằng sông Cửu Long bằng triệu tấn lương thực. Sở dĩ có sự thay đổi đột ngột này chỉ vì chúng ta đã thay đổi giá cả thu mua.

Đối với chính sách trao đổi hàng hóa hai chiều, thì đa số hộ nông dân nghèo mà chúng tôi phỏng vấn là không có ý kiến, có nghĩa là chính sách này ít liên quan đến họ và trong thực tế quả thực họ không có nông phẩm để trao đổi hàng hóa hai chiều với Nhà nước. Riêng trung nông thì tán thành. Những nguyện vọng nói chung là muốn được trao đổi thông qua mua bán. Đúng như Lenin đã dạy: “Trong điều kiện như vậy, không thể có mối liên hệ kinh tế nào khác giữa công nhân và nông dân, giữa công nghiệp và nông nghiệp ngoài hình thức trao đổi, ngoài mua - bán”⁽¹⁾. Thái độ của trung nông rất phức tạp đối với chính sách trao đổi này, vì bao giờ họ cũng phản ứng với chính sách đó bằng sự tính toán như con buôn rất nhạy bén với hệ thống giá cả thị trường tự do. Cho nên có nhiều mặt hàng chúng ta rất muốn cho nông dân có (như ure), thì họ trao đổi rất hạn chế ở nhiều tỉnh, kho nhà nước vẫn còn ure mà lượng ure trên đồng ruộng chưa được bón đủ như tiêu chuẩn, ngược lại, có mặt hàng như xi măng thì không đủ cho họ trao đổi. Rõ ràng, mặt hàng này người trung nông không sử dụng cho sản xuất, mà phần đông sử dụng cho tiêu dùng. Tất cả những hiện tượng nói trên cho thấy việc định giá trao đổi của chúng ta không nhạy bén với thị trường bằng đầu óc tính toán kiểu con buôn của trung nông. Có những mặt hàng người trung nông rất muốn được trao đổi với Nhà nước dù tính toán giá cả có cao hơn thị trường tự do, thí dụ như các loại thuốc trừ sâu, vì nông dân rất sợ gặp phải hàng giả loại này.

Cuối cùng, chúng tôi muốn phân tích thái độ của trung nông đối với chính sách cải tạo nông nghiệp. Người trung nông Đồng bằng sông Cửu Long từ lâu đã đi theo Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nên về mặt ý thức chính trị họ rất hiểu sự tất yếu phải đi vào con đường hợp tác hóa lên chủ nghĩa xã hội, kể cả hiểu sự tất yếu đó như một cái gì không thể cưỡng lại được vì cho rằng chống hợp tác hóa như là “bê nạng chống trời”. Nhưng đứng về quyền lợi trước mắt thì họ sợ vào hợp tác hóa sẽ bị thiệt thòi về kinh tế. Khi phỏng vấn, chúng tôi thấy đa số đều trả lời rằng họ sẵn sàng vào tập đoàn với điều kiện:

- Tập đoàn phải có phương án ăn chia rành mạch.
- Phải có cán bộ biết làm ăn quản lý.
- Cán bộ phải gương mẫu, không tự tư, tự lợi.

¹ Lenin toàn tập, Tập 44, tr. 308 (bản tiếng Nga).

Người trung nông không ngại phải san sẻ bớt ruộng đất, tư liệu sản xuất với bà con nông dân nghèo trong tập đoàn mà chỉ ngại điều kiện của tập đoàn không phát huy hết khả năng lao động của họ, tập đoàn không biết làm ăn nên lao động của họ vô hiệu quả, sợ cán bộ không công tâm thì lao động của mình không được hưởng. Nhiều người còn trả lời rằng nếu muốn bình đẳng thì họ sẵn sàng san sẻ, bình quân ruộng đất với bà con, nhưng ruộng ai người ấy làm. Thực ra, người trung nông không chống lại hợp tác hóa, nhưng họ muốn một hình thức hợp tác hóa mà họ có thể sử dụng được hết tiềm năng lao động sống và lao động quá khứ của mình. Vì vậy, điều quan trọng nhất là chúng ta phải có những chính sách kinh tế đúng đắn, tạo được những hình thức và bước đi thích hợp cho trung nông ở đồng bằng sông Cửu Long để vừa đưa họ vào quỹ đạo xã hội chủ nghĩa vừa phát triển được sản xuất.

Để kết luận cho bản trình bày của mình, chúng tôi muốn nhấn mạnh một điều là:

Chính trung nông là nhân vật trung tâm không chỉ trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân mà cả trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của ta hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long. Mọi chính sách của Nhà nước ở Đồng bằng sông Cửu Long thực chất đó là chính sách đối với trung nông. Thu hút được trung nông đi vào cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, đồng thời đẩy mạnh phát triển nông nghiệp làm cho Đồng bằng sông Cửu Long xứng đáng là trọng điểm số một về lương thực và thực phẩm của cả nước, đó phải là mục tiêu của mọi chính sách đúng đắn của nhà nước ta hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long.